

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

Bản án số: 29/2022/DS-ST

Ngày 21 – 02 – 2022

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Minh Bền

Ông Trương Ánh Hoa

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Cúc – Là Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Trong ngày 21 tháng 02 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 163/2021/TLST-DS, ngày 02 tháng 4 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 527/2021/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 7 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Chí H, sinh năm 1977; Cư trú tại: Số A, ấp V, xã T, thành phố C, tỉnh Cà Mau. (có mặt)

Bị đơn: Bà Lê Ngọc Thuỷ, sinh năm 1968; Cư trú tại: ấp V, xã T, thành phố C, tỉnh Cà Mau. (có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông Huỳnh Văn Kh; Cư trú tại: ấp V, xã T, thành phố C, tỉnh Cà Mau. (vắng mặt)

2/ Bà Trần Diễm T, sinh năm 1977; Cư trú tại: Số A, ấp V, xã T, thành phố C, tỉnh Cà Mau. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ông Nguyễn Chí H trình bày tại đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và được bổ sung tại phiên tòa như sau:

Vào năm 2018, ông cho bà Lê Ngọc Th và ông Huỳnh Văn Kh vay tiền nhiều lần cụ thể như sau:

- Lần 1: Vào ngày 19/4/2018 âm lịch vay 15.000.000 đồng, có biên nhận; Khi vay thỏa thuận lãi suất vay là 5%/tháng.

- Lần 2: Vào ngày 16/5/2018 âm lịch vay 10.000.000 đồng, có biên nhận, có thể chấp Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô đứng tên Huỳnh Tuấn Duy (con ruột bà Th); Khi vay thỏa thuận lãi suất vay là 5%/tháng.

- Lần 3: Vào ngày 28/5/2018 âm lịch vay 15.000.000 đồng, có biên nhận, có thể chấp Giấy chứng minh nhân dân tên Lê Ngọc Th. Khi vay thỏa thuận lãi suất vay là 5%/tháng.

Tổng cộng là 40.000.000 đồng, khi vay không thỏa thuận thời hạn thanh toán. Ông xác định các khoản tiền này là tài sản chung của vợ chồng ông.

Sau khi vay, ông Kh và bà Th trả cho ông tiền vốn nhiều lần với tổng số tiền là 10.500.000 đồng, có giấy theo dõi, cụ thể: Ngày 20/02/2019 âm lịch trả 1.000.000 đồng; Ngày 15/3/2019 trả 1.000.000 đồng; Ngày 06/4/2019 âm lịch trả 1.000.000 đồng; Ngày 26/5/2019 âm lịch trả 500.000 đồng; Ngày 26/8/2019 âm lịch trả 1.000.000 đồng; Ngày 21/10/2019 âm lịch trả 1.000.000 đồng; Ngày 22/11/2019 âm lịch trả 1.000.000 đồng; Ngày 28/12/2019 âm lịch trả 1.000.000 đồng; Ngày 26/01/2020 âm lịch trả 500.000 đồng; Ngày 10/02/2020 âm lịch trả 500.000 đồng; Ngày 30/4/2020 âm lịch trả 1.000.000 đồng; Ngày 10/5/2020 âm lịch trả 1.000.000 đồng.

Quá trình vay bà Th, ông Kh trả lãi cho ông được 1.500.000 đồng. Việc bà Th trình bày có trả lãi cho vợ chồng ông được 24.200.000 đồng là không đúng. Ngoài ra không trả thêm được khoản vốn, lãi nào khác. Đến nay ông Kh và bà Th còn nợ vợ chồng ông vốn 29.500.000 đồng. Ông yêu cầu ông Kh và bà Th thanh toán cho vợ chồng ông số tiền vốn 29.500.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Sau khi bà Th và ông Kh trả xong khoản nợ cho vợ chồng ông thì ông trả lại cho bà Th và ông Kh bản chính giấy chứng minh nhân dân tên Lê Ngọc Th và Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô tên Huỳnh Tuấn Duy. Ông xác định anh Duy không vay tiền của vợ chồng ông nên ông không yêu cầu anh Duy cùng có nghĩa vụ thanh toán nợ với bà Th và ông Kh.

Tại phiên tòa, ông xác định ông chỉ yêu cầu bà Th và ông Kh thanh toán cho vợ chồng ông số tiền vốn 23.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Bà Lê Ngọc Th trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và được bổ sung tại phiên tòa như sau:

Bà thống nhất với trình bày của ông H về việc vay tiền giữa vợ chồng bà với vợ chồng ông H, thống nhất về số tiền vay là 40.000.000 đồng, việc vay có làm biên nhận, không thỏa thuận thời hạn vay. Bà vay tiền của ông H, bà T là để trả khoản nợ chung trước đây của vợ chồng bà. Tuy nhiên về lãi suất vay thỏa thuận như sau: Số tiền 10.000.000 đồng vay ngày 16/5/2018 âm lịch, lãi suất mỗi tháng là 700.000 đồng; số tiền 15.000.000 đồng vay ngày 19/4/2018 âm lịch, mỗi tháng trả lãi 1.000.000 đồng; số tiền 15.000.000 đồng vay 28/5/2018 âm lịch, mỗi tháng trả lãi 1.200.000 đồng, có giấy ghi mức lãi phải trả do ông H ghi. Bà đã trả vốn các lần đúng như ông H trình bày được 10.500.000 đồng, khi trả vốn có giấy theo dõi.

Bà đã trả lãi cho ông H và bà T được các lần cụ thể như sau:

- Vốn 15.000.000 đồng vay ngày 19/4/2018 âm lịch, bà trả lãi đến ngày 20/01/2019 âm lịch là 09 tháng được 9.000.000 đồng;
- Vốn 15.000.000 đồng vay ngày 28/5/2018 âm lịch, bà trả lãi đến ngày 20/01/2019 âm lịch là 08 tháng được 9.600.000 đồng;
- Vốn 10.000.000 đồng vay ngày 16/5/2018 âm lịch, bà trả lãi đến ngày 20/01/2019 âm lịch là 08 tháng được 5.600.000 đồng.

Tổng cộng tiền lãi vợ chồng bà trả được cho ông H và bà Diễm là 24.200.000 đồng. Việc trả lãi như trên không có văn bản thể hiện nhưng có giấy do ông H ghi thể hiện mỗi khoản vay, mỗi tháng đóng bao nhiêu tiền và bà đã đóng đúng số tiền lãi của các khoản vay cho đến ngày 20/01/2019 âm lịch thì ngưng cho đến nay.

Bà xác định các biên nhận nợ do ông H cung cấp đúng là chữ viết và chữ ký của bà. Đến nay bà còn nợ ông H tiền vốn 29.500.000 đồng. Tuy nhiên quá trình vay bà có trả lãi cho ông H với mức lãi suất cao vượt quá quy định, bà yêu cầu điều chỉnh lại theo quy định pháp luật và đối trừ vào vốn, số tiền còn lại vợ chồng bà đồng ý thanh toán cho ông H và bà T. Khi vay tiền anh Duy không vay, không biết việc vay nên không liên quan gì trong vụ án này, bà chỉ mượn giấy chứng nhận đăng ký xe của anh Duy để thế chấp cho ông H, bà T, bà không yêu cầu anh Duy cùng có trách nhiệm thanh toán nợ vay với vợ chồng bà. Tại phiên tòa, bà đồng ý yêu cầu của ông H chỉ yêu cầu vợ chồng bà thanh toán 23.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Bà Trần Diễm T trình bày: Bà thống nhất với lời trình bày của ông H, không trình bày bổ sung, bà xin vắng mặt tại các phiên tòa xét xử vụ án.

Ông Huỳnh Văn Kh trình bày: Năm 2014, ông có vay tiền của ông H nhưng đã thanh toán xong. Đến năm 2018, ông biết bà Th có vay tiền của ông H nhưng cụ thể số tiền bao nhiêu thì ông không biết, bà Th không bàn bạc gì với ông, ông cũng không trực tiếp giao dịch, nhận tiền vay từ ông H. Ông xác định đây là khoản nợ riêng của bà Th nên không đồng ý cùng bà Th có nghĩa vụ thanh toán cho vợ chồng ông H. Ông xin vắng mặt tại các phiên tòa xét xử vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Quan hệ tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Quá trình giải quyết vụ án ông Huỳnh Văn Kh, bà Trần Diễm T có đơn xin vắng mặt. Căn cứ các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với ông Huỳnh Văn Kh, bà Trần Diễm T theo luật định.

[2] Về nội dung: Nguyên đơn khởi kiện bị đơn và ông Huỳnh Văn Kh yêu cầu thanh toán số tiền vốn vay 29.500.000 đồng, không yêu cầu trả lãi. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất giữa các bên có diễn ra hợp đồng vay tài sản đúng như nguyên đơn trình bày. Để chứng minh cho yêu cầu, lời trình bày của mình nguyên đơn cung cấp các biên nhận vay tiền ngày 19/4/2018 âm lịch; ngày 16/5/2018 âm lịch; ngày 28/5/2018 âm lịch. Tổng cộng số tiền vốn vay là 40.000.000 đồng, khi vay thỏa thuận lãi suất 5%/tháng, không thỏa thuận thời hạn vay. Tại phiên tòa, ông H đồng

ý chỉ yêu cầu bà Th và ông Kh thanh toán cho vợ chồng ông số tiền vốn 23.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Bị đơn thừa nhận ông H trình bày là đúng sự thật nhưng cho rằng đã trả lãi cho ông H nhiều lần được 24.200.000 đồng, hiện nay còn nợ vốn 29.500.000 đồng nhưng yêu cầu xem xét điều chỉnh lãi theo quy định và đối trừ lãi vào vốn. Tuy nhiên tại phiên tòa bà Th đồng ý theo yêu cầu của nguyên đơn là yêu cầu bà và ông Kh thanh toán cho nguyên đơn 23.000.000 đồng vốn. Đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về nghĩa vụ thanh toán: Nguyên đơn yêu cầu bà Th và ông Kh cùng có nghĩa vụ thanh toán nợ cho vợ chồng ông. Quá trình giải quyết vụ án, ông Kh cho rằng là nợ riêng của bà Th ông không đồng ý cùng bà Th thanh toán nợ. Tuy nhiên tại Biên bản hòa giải ngày 01/7/2021 và tại phiên tòa bà Th xác định mục đích bà vay tiền của ông H là để trả khoản nợ chung trước đây của vợ chồng bà và bà đồng ý vợ chồng bà cùng có nghĩa vụ thanh toán nợ cho vợ chồng ông H. Xét thấy, việc vay tiền nhằm mục đích thanh toán nợ chung, bà Th xác định đây là nợ chung. Mặt khác, bà Th và ông Kh hiện nay đang chung sống như vợ chồng. Căn cứ Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình, buộc bà Th và ông Kh cùng có nghĩa vụ thanh toán nợ cho ông H và bà T.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, bị đơn phải nộp theo quy định pháp luật, nguyên đơn không phải nộp án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 288, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự; Các Điều 27, 37 của Luật Hôn nhân và gia đình; Các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Chí H về việc yêu cầu bà Lê Ngọc Th và ông Huỳnh Văn Kh thanh toán số tiền vốn vay.

Buộc bà Lê Ngọc Th và ông Huỳnh Văn Kh có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho ông Nguyễn Chí H và bà Trần Diễm T số tiền nợ gốc 23.000.000 đồng.

Kể từ ngày ông Nguyễn Chí H và bà Trần Diễm T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Lê Ngọc Th và ông Huỳnh Văn Kh không thanh toán xong khoản tiền trên, thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản lãi phát sinh theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự đối với số tiền chậm thi hành tương ứng với thời gian chậm thi hành.

Ông H và bà T có nghĩa vụ trả lại bản chính Giấy chứng minh nhân dân tên Lê Ngọc Th và Giấy đăng ký xe mô tô tên Huỳnh Tuấn Duy sau khi bà Th và ông Kh thanh toán xong khoản nợ.

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Bà Lê Ngọc Th phải nộp 1.150.000 đồng (chưa nộp). Ông Nguyễn Chí H không phải nộp án phí, ngày 02/4/2021, ông H đã nộp tạm ứng án phí số tiền 737.000 đồng tại biên lai số 0000892 được nhận lại toàn bộ.

Ông Nguyễn Chí H, bà Lê Ngọc Th được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Huỳnh Văn Kh, bà Trần Diễm T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND thành phố Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu TM (TANDTPCM).

**TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ngọc Hân